TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Cường**
----------	----------
Số: 126/2024/QĐ-VHNGĐ	*Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN & GIA ĐÌNH

V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đức Lập

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thúy Hương – Thư ký viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Bách Thiện Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 05 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 129/2024/TLST - VHNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" theo Quyết định mở phiên họp số: 116/2024/QĐPH-ST ngày 09 tháng 05 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày: 01/10/1981.

Địa chỉ tại Việt Nam: Căn hộ A, Tòa S, TDP số I, phường T, quận N, thành phố Hà Nội; Địa chỉ tại nước ngoài: E H, C, NSW, Australia. Số căn cước công dân: 022181005749 do Cục Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 06/06/2023. Số Hộ chiếu: E00485585 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 05/07/2023. *Có đơn xin vắng mặt*

- Anh Văn Hồng K, sinh ngày: 17/08/1977.

Địa chỉ: Căn hộ A, Tòa S, TDP số I, phường T, quận N, thành phố Hà Nội; Số căn cước công dân: 038077003356 do Cục C về TTXH cấp ngày 06/06/2023. *Có mặt*

Chị Nguyễn Thị N có ủy quyền cho anh Đặng Hồng S nộp, nhận Văn bản tố tụng thay chị. *Anh* S *có mặt*

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN & GIA ĐÌNH

*** *Theo chị*** Nguyễn Thị N ***trình bày*:**

Vợ chồng chúng tôi kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/03/2007, có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2007.

Sau khi kết hôn, tôi và anh Văn Hồng K chung sống cùng nhau hạnh phúc và xây dựng kinh tế gia đình, chăm sóc các con. Nhưng sau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu là do tính cách của

hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Gần đây, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên hơn, trầm trọng hơn, ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai bên. Đặc biệt, từ tháng 9/2023 tôi đi học tại Australia, vợ chồng không có điều kiện quan tâm nhau nên tình cảm phai nhạt. Từ đó đến nay vợ chồng đã nhiều lần trao đổi để tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Nay nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được trên thực tế, nên tôi làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn cho tôi và anh Văn Hồng K.

2. Về con chung: Tôi và anh Văn Hồng K có 02 con chung là cháu Văn Gia H1, sinh ngày 06/06/2008 và cháu Văn Gia B, sinh ngày 06/04/2015, cả hai con hiện đang sinh sống cùng chồng là anh Văn Hồng K tại Hà Nội.

Ly hôn, vợ chồng chúng tôi thỏa thuận để anh Văn Hồng K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu vợ là Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tôi và anh Văn Hồng K tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 Về nợ chung: Tôi và anh Văn Hồng K không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Vấn đề khác: Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết cho chúng tôi sớm được ly hôn để chúng tôi ổn định cuộc sống.

**** Theo anh*** Văn Hồng K ***trình bày:***

Vợ chồng chúng tôi kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/03/2007, có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2007.

Sau khi kết hôn, tôi và chị Nguyễn Thị N chung sống cùng nhau hạnh phúc và xây dựng kinh tế gia đình, chăm sóc các con. Nhưng sau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Gần đây, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên hơn, trầm trọng hơn, ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai bên. Đặc biệt, từ tháng 9/2023 chị N đi học tại Australia, vợ chồng không có điều kiện quan tâm nhau nên tình cảm phai nhạt. Từ đó đến nay vợ chồng đã nhiều lần trao đổi để tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Nay nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được trên thực tế, nên tôi làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn cho tôi và chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Tôi và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là cháu Văn Gia H1, sinh ngày 06/06/2008 và cháu Văn Gia B, sinh ngày 06/04/2015, cả hai con hiện đang sinh sống cùng tôi tại Hà Nội.

Ly hôn, vợ chồng chúng tôi thỏa thuận để tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, tôi không yêu cầu vợ là Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tôi và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 Về nợ chung: Tôi và chị Nguyễn Thị N không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Vấn đề khác: Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết cho chúng tôi sớm được ly hôn để chúng tôi ổn định cuộc sống.

Tại phiên họp:

- Chị Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt. Chị N có ủy quyền cho anh Đặng Hồng S nhận văn bản tố tụng thay chị. Anh S có mặt tại phiên họp và có ý kiến là anh đã thay chị N đi nộp tiền tạm ứng Lệ phí việc Hôn nhân & gia đình.

- Anh Văn Hồng K giữ nguyên ý kiến và quan điểm đã trình bày. Đến nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị N. Về con chung, anh và chị N có 02 con chung là cháu Văn Gia H1, sinh ngày 06/06/2008 và cháu Văn Gia B, sinh ngày 06/04/2015. Ly hôn anh và chị N thống nhất để anh K trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về lệ phí việc Hôn nhân & gia đình, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung việc Hôn nhân & Gia đình: Xét hôn nhân của anh Văn Hồng K và chị Nguyễn Thị N là hợp pháp. Đến nay hôn nhân của anh K và chị N đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh K; Về con chung: chị N và anh K có 02 con chung là cháu Văn Gia H1, sinh ngày 06/06/2008 và cháu Văn Gia B, sinh ngày 06/04/2015. Ly hôn đề nghị giao cháu H1 và cháu B cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng anh K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản và công nợ chung: Anh K và chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị N chịu toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân & gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc Hôn nhân & gia đình đã được thẩm tra, xem xét tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Văn Hồng K và chị Nguyễn Thị N kết hôn do tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/03/2007 tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Việc anh K và chị N yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & gia đình tại Tòa án là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình, chị Nguyễn Thị N đang sinh sống và làm việc tại Australia nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị N tại phiên họp: Chị Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng đã có ý kiến và đơn trình bày xin giải quyết vắng mặt do anh S xuất trình. Đồng thời chị N đã có văn bản ủy quyền cho anh Đặng Hồng S nhận văn bản tố tụng thay chị có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Australia. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung:***

- Về Hôn nhân: Xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, thể hiện anh Văn Hồng K và chị Nguyễn Thị N chung sống cùng nhau hạnh phúc và xây dựng kinh tế gia đình, chăm sóc các con. Nhưng sau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Gần đây, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên hơn, trầm trọng hơn, ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai bên. Đặc biệt từ tháng 9/2023 chị N đi học tại Australia và vợ chồng đã nhiều lần trao đổi để tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh K và chị N phát sinh đã lâu, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2023 nên không có điều kiện hòa giải mâu thuẫn, nếu kéo dài gây mâu thuẫn thêm trầm trọng và khó khăn trong cuộc sống cho anh chị. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của anh K và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Văn Hồng K và chị Nguyễn Thị N là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. .

- Về con chung: Anh Văn Hồng K và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là cháu Văn Gia H1, sinh ngày 06/06/2008 và cháu Văn Gia B, sinh ngày 06/04/2015. Ly hôn anh K và chị N thỏa thuận giao cháu H1 và cháu B cho anh K tực tiếp nuôi dưỡng. Xét

thấy cháu H1 và cháu B hiện đang ở cùng anh K. Xét thấy việc thỏa thuận của anh K và chị N là tự nguyện và để tránh xáo trộn trong sinh hoạt của cháu H1 và cháu B, cần giao cháu H1 và cháu B cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 và cháu B, cũng như quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & gia đình. Chị Nguyễn Thị N có quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh Văn Hồng K và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân & gia đình: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân &gia đình.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35, Điều 37; Điều 371, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Văn Hồng K và chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Anh Văn Hồng K và chị Nguyễn Thị N xác định 02 con chung là cháu Văn Gia H1, sinh ngày 06/06/2008 và cháu Văn Gia B, sinh ngày 06/04/2015. Ly hôn giao cháu Văn Gia H1 và cháu Văn Gia B cho anh Văn H K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật thay thế. Chị Nguyễn Thị N có quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Văn H K không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân & gia đình: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng lệ phí việc Hôn nhân & gia đình, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số BLTU/23/0023295 ngày 08/05/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Về việc thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *UBND phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa*
- *Lưu Vp, HSVA.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đức Lập